

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 53/VIFON CORP/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON**

Địa chỉ: 913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 02838153933

Fax:

Email: vifon@vifon.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 1101171437

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Ngày cấp/Nơi cấp:

II. Thông tin sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **BỘT CANH TÔM**
2. Thành phần: Muối ăn, bột tôm (12%), chất điều vị (mononatri L-glutamat, dinatri 5'-guanylat, dinatri 5'-inosinat, dinatri succinat), đường tinh luyện, bột tỏi, bột tiêu, bột ớt, chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), maltodextrin, chất chống đông vón (INS 551), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin).

Sản phẩm có chứa: Tôm.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 10 g/gói hoặc tùy theo nhu cầu kinh doanh của đơn vị, khối lượng tịnh được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được bao gói bằng bao bì OPP hoặc MCPPE hoặc PE hoặc PET hoặc PP hoặc PA hoặc PS phù hợp quy định bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

* Bao bì ngoài: Sản phẩm sau khi được đóng gói được xếp vào thùng giấy.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất: Sản xuất tại: xem cạnh ngày sản xuất

A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Địa chỉ: 913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 1164/GCNATTP-BQLATTP. Ngày cấp/Nơi cấp: 24.03.2023/Ban Quản lý An toàn Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Lô đất CN8, Khu công nghiệp Tân Trường, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Số Giấy chứng nhận (Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm TCVN ISO 22000:2018): HA 508/2.25.CIV. Ngày cấp/Nơi cấp: 24.07.2025/Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia-Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert).

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Arsen (As)	mg/kg	5.0
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	1.0
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	2.0
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
-----	--------------	-------------	------------

1	Aflatoxin B1	µg/kg	5.0
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10.0
3	Ochratoxin A	µg/kg	30.0

- Thông tư 50/2016/TT-BYT: Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Thông tư 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Nghị định về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP: Nghị định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.
- Yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn của nhà sản xuất:
 - + Giới hạn vi sinh vật trong thực phẩm:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10 ²
3	<i>Escherichia Coli</i>	CFU/g	Không có (hoặc < 3 MPN/g)
4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10 ²
5	<i>Salmonella</i>	/25g	Không có
6	Tổng số bào tử nấm men – nấm mốc	CFU/g	10 ²

+ Các chỉ tiêu cảm quan:

3/11

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Trạng thái	Dạng bột, tơi rời, khô ráo.
2. Màu sắc	Có màu cam nhạt hay cam hồng đặc trưng của sản phẩm bột canh tôm, có lẫn màu đặc trưng của gia vị thêm vào, không có màu lạ.
3. Mùi	Có mùi thơm của tôm, đặc trưng của sản phẩm bột canh tôm, không có mùi lạ.
4. Vị	Khi hòa tan trong nước với một lượng vừa phải sẽ có vị mặn ngọt hài hòa đặc trưng cho sản phẩm bột canh tôm.

+ Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	g/100g	≤ 3.0
2	Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric (HCl) 10%	g/100g	≤ 0.1
3	Hàm lượng muối ăn (NaCl)	g/100g	70.0 – 85.0
4	Hàm lượng chất xơ thực phẩm	g/100g	0.5 – 3.5
5	Hàm lượng chất đạm	g/100g	5.5 – 9.5
6	Hàm lượng carbohydrat (*)	g/100g	5.5 – 9.5
7	Hàm lượng đường tổng số	g/100g	1.0 – 5.0
8	Hàm lượng chất béo	g/100g	0.0 – 1.5
9	Hàm lượng Natri	mg/100g	28000 – 39800
10	Năng lượng (**)	kcal/100g	45.0 – 96.5

Ghi chú:

(*) Hàm lượng carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm).

(**) Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm:

Chất đạm	4 kcal/g tương đương 17 kJ
Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm)	4 kcal/g tương đương 17 kJ
Chất béo	9 kcal/g tương đương 37 kJ
Chất xơ thực phẩm	2 kcal/g tương đương 8 kJ

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC



[Signature]

Lý Thị Kim Châu



NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN
BỘT CANH TÔM
SHRIMP SOUP POWDER

Khối lượng tịnh / Net Weight: 10 g

Thành phần: Muối ăn, bột tôm (12%), chất điều vị (mononatri L-glutamat, dinatri 5'-guanylat, dinatri 5'-inosinat, dinatri succinat), đường tinh luyện, bột tỏi, bột tiêu, bột ớt, chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), maltodextrin, chất chống đông vón (INS 551), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin).

Sản phẩm có chứa: Tôm.

Thông tin dinh dưỡng cho 10 g sản phẩm:

Năng lượng: 4.5 kcal – 9.65 kcal

Chất đạm: 0.55 g – 0.95 g

Carbohydrat: 0.55 g – 0.95 g

Đường tổng số: 0.1 g – 0.5 g

Chất béo: 0.0 g – 0.15 g

Natri: 2800 mg – 3980 mg

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để nấu canh, nộm, ướp các món ăn. Thuận tiện trong các bữa ăn hàng ngày. Mỗi gói bột canh tôm (10 g) nộm nộm cho một nồi canh (0.8 – 1.0) lít nước dùng. Mở gói nên dùng hết trong 1 lần.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô, mát và tránh ánh nắng mặt trời.

NSX: Xem trên bao bì.

HSD: 06 tháng kể từ ngày sản xuất.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

Xuất xứ: Sản xuất tại Việt Nam / Made in Vietnam.

SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON:

913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

E-mail: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

Sản xuất tại: xem cạnh ngày sản xuất:

A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM

913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: 84.28.38153947

Fax: 84.28.38153059

B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

Lô đất CN8, KCN Tân Trường, Xã Mao Điền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

Tel: 84.0220.3570660

6/11



AR-24-VD-182794-01-VI / EUVNHC-00306673- Trang : 1 / 3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NA9J2411291226-HN

Mã số mẫu : 743-2024-00179179

Mã số Eol :

005-32410-367157

Tên mẫu :

BỘT CANH TÔM

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

30/11/2024

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 06/12/2024

Thời gian thử nghiệm :

30/11/2024 - 06/12/2024

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW019 VW (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW00G VW (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	ISO 6888-1: 2021/Amd 1: 2023	Không phát hiện (LOD=10)
4	VW015 VW (a) <i>Coliforms</i>	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men - nấm mốc	cfu/ g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd 1-2022	3.5x10 ³
7	VD157 VD (a) Hàm lượng xơ thực phẩm	g/ 100 g	AOAC 991.43	1.63
8	VD304 VD (a) Hàm lượng đường tổng số	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3482 (Ref. TCVN 4594:1988)	2.98
9	VW066 VW (a) Hàm lượng chất đạm	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-9757 (Ref. TCVN 8125:2015)	9.08
10	VD269 VD (a) Hàm lượng muối ăn (NaCl)	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3501 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	81.4
11	VW081 VW (a) Hàm lượng chất béo	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-9756 (Ref. TCVN 8136:2009)	0.36
12	VWWS6 VW Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	6.02
13	VD279 VD (a) Hàm lượng Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	34800
14	VW067 VW (a) Ochratoxin A	µg/ kg	N79-R-RD1-TP-9395 (Ref. TCVN 12599:2018; EN 16007:2011)	Không phát hiện (LOD=0.5)
15	VWHGN VW (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP-9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
16	VWHGN VW Aflatoxin tổng số	µg/ kg	N79-R-RD1-TP- 9745 (2022) (Ref. ISO 16050:2003); N79-R-RD1-TP-9745 (2022) (Ref. TCVN 7596:2007)	Không phát hiện (LOD=0.5)
17	VD21D VD Brilliant blue (E133)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
18	VD21D VD Allura red (E129)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00179179

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM		ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
19	VD21D VD	Erythrosin (E127)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
20	VD21D VD	Phẩm màu hữu cơ tổng hợp tan trong nước (Tartrazine (E102), Sunset Yellow (E110), Ponceau 4R (E124), Erythrosine (E127), Allura Red (E129), Brilliant Blue (E133))	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
21	VD21D VD	Ponceau 4R (E124)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
22	VD21D VD	Sunset Yellow (E110)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
23	VD21D VD	Tartrazine (E102)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện (LOD=5)
24	VWWE6 VW (a)	Độ ẩm	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-9762 (2022) (Ref. ISO 1573:1980)	0.41
25	VWL74 VW	Năng lượng	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	67
26	VWAN2 VW (a)	Hàm lượng tro không tan trong axit clohydric (HCl) 10%	g/ 100 g	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 920.46 (2011))	Không phát hiện (LOD=0.1)
27	VW071 VW (a)	Hàm lượng Arsen (As)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	1.04
28	VW072 VW (a)	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	0.07
29	VW073 VW (a)	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	0.063
30	VW074 VW (a)	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/ kg	N79-R-RD1-TP-12629 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.007)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc Chi nhánh Hà NộiLý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 30/12/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 30/12/2024.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.

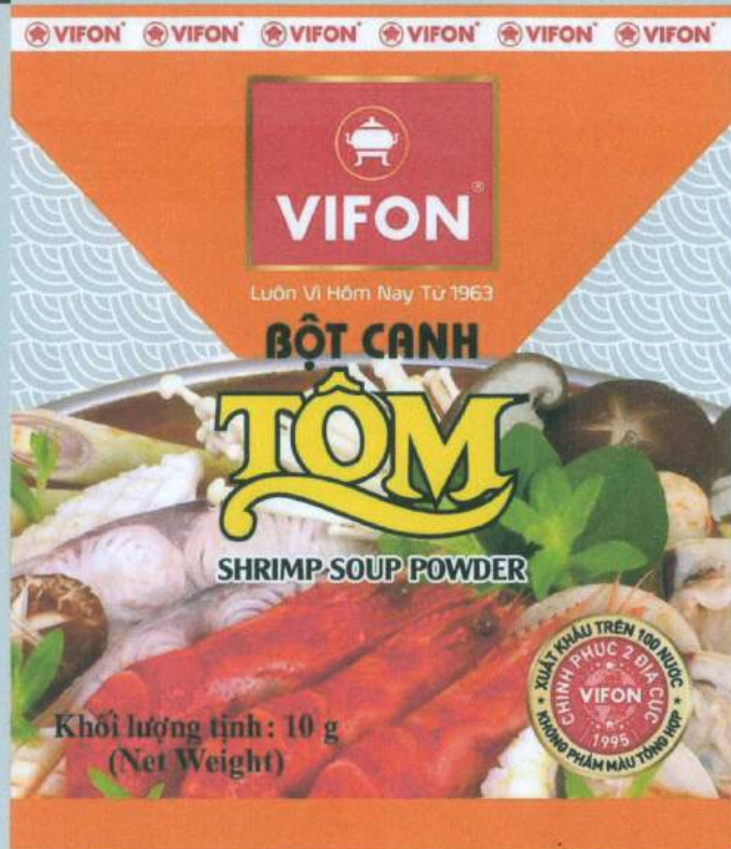
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.





Bột canh tôm 10g HCM

KT: 140*80mm

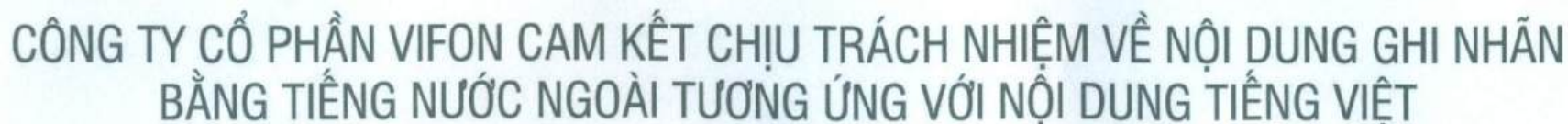


THÔNG TIN DINH DƯỠNG	
Thành phần dinh dưỡng	Cho 10 g sản phẩm
Năng lượng	4,5 kcal – 9,65 kcal
Chất đạm	0,55 g – 0,95 g
Carbohydrat	0,55 g – 0,95 g
Đường tổng số	0,1 g – 0,5 g
Chất béo	0,0 g – 0,15 g
Natri	2800 mg – 3980 mg

NSX: Xem trên bao bì
HSD: 06 tháng kể từ ngày sản xuất
Số TCB: 53/VIFON CORP/2025
Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng mất cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

VIFON VỊ NGON CHUẨN VIỆT
Thành phần: Muối ăn, bột tôm (12%), chất điều vị (mononatri L-glutamat, dinatri 5'-guanylat, dinatri 5'-inosinat, dinatri succinat), đường tinh luyện, bột lọc, bột lọc, bột ớt, chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), maltodextrin, chất chống đông vón (INS 551), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin). Sản phẩm có chứa: Tôm.
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Dùng để nấu canh, nộm, ướp các món ăn. Thuận tiện trong các bữa ăn hàng ngày. Mỗi gói bột canh tôm (10 g) nêm nêm cho một nồi canh (0,8 – 1,0) lít nước dùng. Múc gói nên dùng hết trong 1 lần.
MADE IN VIETNAM / SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM
SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON:
913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
E-mail: vifon@vifon.com.vn Website: www.vifon.com.vn
Sản xuất tại: xem ngày sản xuất
A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM
913 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Tel: 84 28 38163947 Fax: 84 28 38163948
B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG
Lô đất CNS, KCN Tân Trường, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
Tel: 84 2220 3570660

CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON CAM KẾT CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG GHI NHÃN BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI TƯƠNG ỨNG VỚI NỘI DUNG TIẾNG VIỆT





Luôn Vì Hồn Này Từ 1963

CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2025

Số: 58..../R&D - VIFON

THÔNG BÁO NHÃN BAO BÌ SẢN PHẨM

CẬP NHẬT TÊN MỚI: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Kính gửi: Sở an toàn thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh.

Các quý khách hàng quan tâm đến sản phẩm của CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON.

Công ty Cổ phần VIFON chúng tôi đã thực hiện tự công bố sản phẩm theo quy định của luật an toàn thực phẩm: Nghị định 15/2018/NĐ-CP thi hành ngày 02.02.2018. Hồ sơ tự công bố của sản phẩm sau đã nộp đến Sở an toàn thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh và tên sản phẩm đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở an toàn thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh (<http://sattp.hochiminhcity.gov.vn/spcb.aspx?c=19>).

Hiện nay, công ty chúng tôi có **cập nhật tên mới của CHI NHÁNH** trên nhãn bao bì sản phẩm nhưng **tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo (chất lượng sản phẩm) không thay đổi so với tiêu chuẩn sản phẩm đã tự công bố.**

Cụ thể như sau:

Tên cũ của chi nhánh công ty (thể hiện trên nhãn bao bì đã đăng ký công bố)	Tên mới của chi nhánh công ty
CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG	CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Bao bì theo tên mới của chi nhánh công ty sẽ được áp dụng ngay sau khi sử dụng hết bao bì với tên cũ.

Công ty chúng tôi kính thông báo đến **SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM TP HỒ CHÍ MINH** về nội dung thay đổi trên nhãn bao bì nói trên.

Chúng tôi xin cam kết **Tên sản phẩm, thành phần và xuất xứ sản phẩm không thay đổi so với hồ sơ tự công bố** của các sản phẩm trong danh sách đính kèm.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào!



TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lý Thị Kim Châu



Luôn Mi Hầm Này Từ 1963

CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

**DANH SÁCH CÁC SẢN PHẨM CÓ NHÃN BAO BÌ SẼ CẬP NHẬT TÊN MỚI:
CHI NHÁNH HẢI PHÒNG – CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON**

STT	Tên sản phẩm	Số Tự công bố	Quy cách đóng gói
1	Mì chính hiệu hai tôm	08/VIFON CORP/2025	Gói 75 g
2	Mì chay rau nấm	78/VIFON CORP/2024	Gói 65 g
3	Mì chay lẩu thái	79/VIFON CORP/2024	Gói 65 g
4	Hoàng gia mì hải sản chua cay	30/VIFON CORP/2024	Gói 130 g
5	Hoàng gia mì hoành thánh	74/VIFON CORP/2025	Gói 130 g
6	Hoàng gia mì kim chi thịt bò	19/VIFON CORP/2024	Gói 130 g, tô 130 g
7	Hoàng gia mì lẩu thái tôm thịt	20/VIFON CORP/2024	Gói 130 g, tô 130 g
8	Hoàng gia mì quảng thịt băm	73/VIFON CORP/2025	Gói 130 g
9	Hoàng gia mì thịt băm	17/VIFON CORP/2024	Gói 130 g, tô 130 g
10	Hoàng gia mì thịt bò	18/VIFON CORP/2024	Gói 130 g
11	Mei Wei mì trộn cay tê Tứ Xuyên	69/VIFON CORP/2024	Gói 90 g
12	Mei Wei mì trộn tương đen Bắc Kinh	68/VIFON CORP/2024	Gói 90 g
13	Mì bò cay	65/VIFON CORP/2025	Gói 105 g, lốc 04 gói
14	Mì bò kim chi cay	67/VIFON CORP/2025	Gói 105 g
15	Mì hải sản cay	66/VIFON CORP/2025	Gói 105 g, lốc 04 gói
16	Mì trộn trứng muối cay	68/VIFON CORP/2025	Gói 105 g, lốc 04 gói
17	Mì trộn tương đen	69/VIFON CORP/2025	Gói 110 g, lốc 04 gói
18	Mì bò rau thơm	13/VIFON CORP/2025	Tô 71 g
19	Mì lẩu thái tôm	14/VIFON CORP/2025	Tô 71 g
20	Mì gà tím	01/VIFON CORP/2025	Gói 75 g
21	Mì ký có gia vị	71/VIFON CORP/2024	Gói 1 kg
22	Mì ký	70/VIFON CORP/2024	Gói 950 g
23	Snack mì vị bò nướng	05/VIFON CORP/2025	Gói 30 g
24	Snack mì vị hải sản chua cay	07/VIFON CORP/2025	Gói 30 g
25	Snack mì vị phô mai	06/VIFON CORP/2025	Gói 30 g
26	Mì trẻ em	02/VIFON CORP/2025	Gói 20 g, Gói 15 g
27	Mì bò sốt vang	11/VIFON CORP/2025	Gói 70 g
28	Mì thịt băm	09/VIFON CORP/2025	Gói 70 g
29	Mì tôm chua cay	10/VIFON CORP/2025	Gói 70 g

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON**

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vnWebsite: www.vifon.com.vn**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Luôn Vì Hôm Nay Từ 1963

30	Mì cà ri gà	64/VIFON CORP/2025	Gói 70 g, lốc 04 gói
31	Mì gà vàng	63/VIFON CORP/2025	Gói 70 g, lốc 04 gói
32	Mì lẩu thái	03/VIFON CORP/2025	Gói 80 g, lốc 05 gói
33	Mì kim chi	04/VIFON CORP/2025	Gói 80 g, lốc 05 gói
34	Mì bò cay Hàn Quốc	70/VIFON CORP/2025	Tô 140 g
35	Mì chính hiệu hai tôm chuyên dùng ăn lẩu, xào	12/VIFON CORP/2025	Gói 55 g
36	Mì sườn heo nướng Bali	72/VIFON CORP/2025	Gói 100 g
37	Mì tôm chua cay Hoàng Đế	71/VIFON CORP/2025	Gói 100 g
38	Mì chùm ngây chua cay	08/VIFON CORP/2024	Gói 70 g
39	Mì trộn bò sa tế	62/VIFON CORP/2024	Khay 90 g
40	Mì trộn tương đen	63/VIFON CORP/2024	Khay 90 g
41	Mì trộn hải sản	64/VIFON CORP/2024	Khay 90 g
42	Mì trộn spaghetti	65/VIFON CORP/2024	Khay 90 g
43	Mì trộn pad thai	66/VIFON CORP/2024	Khay 90 g
44	Mì trộn tôm chua cay thái	67/VIFON CORP/2024	Khay 90 g
45	Mì trộn tôm chua cay Hoàng Đế	34/VIFON CORP/2024	Gói 180g
46	Mì trộn sườn heo nướng Bali	33/VIFON CORP/2024	Gói 180g
47	Nhất vị mì trộn gà phô mai cay	59/VIFON CORP/2024	Gói 80g, lốc 06 gói
48	Nhất vị mì tôm chua cay	60/VIFON CORP/2024	Gói 80g, lốc 06 gói
49	Kimchoo mì trộn gà cay carbonara	40/VIFON CORP/2024	Gói 135g
50	Kimchoo mì trộn gà cay	39/VIFON CORP/2024	Gói 135g
51	Kimchoo mì trộn sốt cay Hàn Quốc	37/VIFON CORP/2024	Gói 180g
52	Kimchoo mì trộn tương đen	38/VIFON CORP/2024	Gói 180g
53	Mì kim chi	57/VIFON CORP/2024	Cốc 60g
54	Mì tomyum hải sản	58/VIFON CORP/2024	Cốc 67g
55	Mì tôm chính hiệu hương vị sa tế	92/VIFON CORP/2025	Gói 60 g
56	Mì riêu cua	99/VIFON CORP/2025	Gói 90 g
57	Mì thịt băm thịt thật	100/VIFON CORP/2025	Gói 90 g, tô 90 g
58	Mì bò cay thịt thật	101/VIFON CORP/2025	Gói 90 g, tô 90 g
59	Mì ký có gia vị	102/VIFON CORP/2025	Gói 1 kg
60	Nhất vị mì trộn gà phô mai cay	104/VIFON CORP/2025	Gói 80 g
61	Mì trộn tương đen	111/VIFON CORP/2025	Khay 90 g
62	Mì trộn SOL gà cay	114/VIFON CORP/2025	Cốc 115 g



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Luôn Mi Hâm Nay Từ 1963

63	Mì trộn SOL hải sản	115/VIFON CORP/2025	Cốc 115 g
64	Cháo yến vị thịt băm	35/VIFON CORP/2024	Gói 50 g
65	Cháo yến vị thịt gà	36/VIFON CORP/2024	Gói 50 g
66	Cháo thịt băm	35/VIFON CORP/2025	Gói 50 g
67	Cháo gà	36/VIFON CORP/2025	Gói 50 g
68	Cháo cá	37/VIFON CORP/2025	Gói 50 g
69	Cháo thịt gà	38/VIFON CORP/2025	Gói 70 g, Tô 70 g, Gói 350 g (5 gói x 70 g)
70	Cháo thịt băm	39/VIFON CORP/2025	Gói 70 g, Tô 70 g, Gói 350 g (5 gói x 70 g)
71	Cháo nấm đông cô	40/VIFON CORP/2025	Gói 70 g
72	Cháo sườn	41/VIFON CORP/2025	Gói 70 g
73	Cháo thịt bò	42/VIFON CORP/2025	Gói 70 g
74	Cháo trứng muối	43/VIFON CORP/2025	Gói 70 g
75	Cháo tôm nấm	21/VIFON CORP/2024	Gói 80 g
76	Cháo sườn trứng muối	22/VIFON CORP/2024	Gói 80 g
77	Cháo yến Long Triều xương hầm rau củ	23/VIFON CORP/2024	Gói 110 g
78	Cháo yến Long Triều thịt bò Đài Loan	24/VIFON CORP/2024	Gói 120 g
79	Phở gà	18/VIFON CORP/2025	Gói 65 g Gói 325 g (5 gói x 65 g)
80	Phở bò	19/VIFON CORP/2025	Gói 65 g Gói 325 g (5 gói x 65 g)
81	Phở chay rau nấm	20/VIFON CORP/2025	Gói 65 g
82	Phở gà	108/VIFON CORP/2024	Gói 75 g
83	Phở bò	109/VIFON CORP/2024	Gói 75 g
84	Phở Long Triều gà	77/VIFON CORP/2025	Gói 75 g
85	Phở Long Triều bò	78/VIFON CORP/2025	Gói 75 g
86	Phở trộn Long Triều bò tái lăn	75/VIFON CORP/2025	Gói 90 g
87	Phở trộn Long Triều hải sản cay	76/VIFON CORP/2025	Gói 90 g
88	Phở gà thịt thật	97/VIFON CORP/2025	Gói 90 g
89	Phở bò thịt thật	98/VIFON CORP/2025	Gói 90 g
90	Bánh đa cua	21/VIFON CORP/2025	Gói 60 g Gói 300 g (5 gói x 60 g)
91	Bánh đa tôm	22/VIFON CORP/2025	Gói 60 g
92	Hủ tiếu nam vang	23/VIFON CORP/2025	Gói 65 g Gói 325 g (5 gói x 65 g)

7143

3 TY
HÀM
ON

10 C

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON**

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vnWebsite: www.vifon.com.vn**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Luôn Vì Hôm Nay Từ 1963

93	Hủ tiếu sườn heo	24/VIFON CORP/2025	Gói 65 g
94	Hủ tiếu bò kho	25/VIFON CORP/2025	Gói 65 g
95	Hủ tiếu chay	26/VIFON CORP/2025	Gói 65 g
96	Hủ tiếu tôm mực	27/VIFON CORP/2025	Gói 65 g
97	Bún tôm	28/VIFON CORP/2025	Gói 65 g
98	Bún giò heo	29/VIFON CORP/2025	Gói 65 g
99	Bún bò Huế	30/VIFON CORP/2025	Gói 65 g Gói 325 g (5 gói x 65 g)
100	Bún riêu cua	31/VIFON CORP/2025	Gói 80 g Gói 400 g (5 gói x 80 g)
101	Hủ tiếu nam vang thịt thật	105/VIFON CORP/2025	Gói 90 g
102	Hủ tiếu sườn heo thịt thật	106/VIFON CORP/2026	Gói 90 g
103	Miến sườn heo	32/VIFON CORP/2030	Gói 58 g
104	Miến măng vịt	33/VIFON CORP/2031	Gói 58 g
105	Miến lẫu Thái	34/VIFON CORP/2032	Gói 60 g
106	Miến Long Triều cua	79/VIFON CORP/2025	Gói 68 g
107	Miến Long Triều sườn heo	80/VIFON CORP/2025	Gói 68 g
108	Hoàng Gia Phở thịt gà	25/VIFON CORP/2024	Gói 120 g
109	Hoàng Gia Phở thịt bò	26/VIFON CORP/2024	Gói 120 g
110	Hoàng Gia Bánh đa cua	27/VIFON CORP/2024	Gói 120 g
111	Hoàng Gia Hủ tiếu nam vang	28/VIFON CORP/2024	Gói 120 g
112	Hoàng Gia Bún bò Huế	53/VIFON CORP/2024	Gói 120 g
113	Hoàng Gia Miến cua	55/VIFON CORP/2024	Gói 120 g
114	Hoàng Gia Miến thịt băm	56/VIFON CORP/2024	Gói 120 g
115	Phở thịt gà	48/VIFON CORP/2026	Tô 120 g
116	Phở thịt bò	49/VIFON CORP/2027	Tô 120 g
117	Bánh đa cua	50/VIFON CORP/2028	Tô 125 g
118	Miến cua	51/VIFON CORP/2029	Tô 105 g
119	Phở thịt gà	81/VIFON CORP/2025	Tô 135 g
120	Phở thịt bò	82/VIFON CORP/2025	Tô 135 g
121	Hủ tiếu cá	83/VIFON CORP/2025	Tô 120 g
122	Cháo cá	84/VIFON CORP/2025	Tô 110 g
123	Bánh phở khô Bông Lúa Vàng	44/VIFON CORP/2025	Gói 400 g
124	Hủ tiếu khô	46/VIFON CORP/2025	Gói 500 g



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

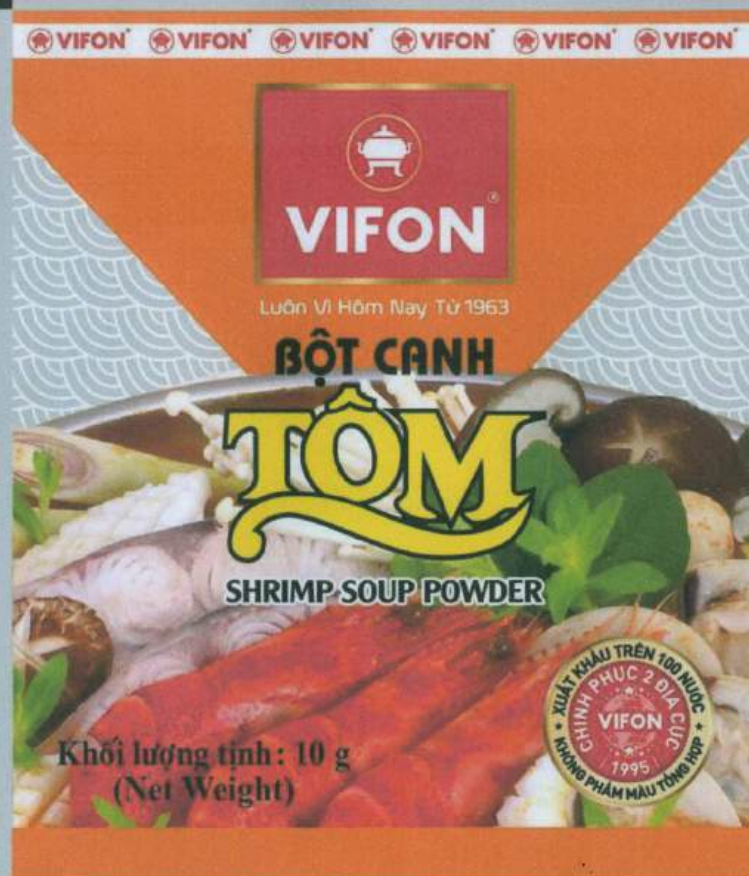
Luôn Vì Hồn Này Từ 1963

125	Bánh đa khô	47/VIFON CORP/2025	Gói 300 g
126	Miến khô	111/VIFON CORP/2024	Gói 210 g
127	Phở sợi khô	92/VIFON CORP/2024	Túi 3 kg
128	Phở sợi khô 2mm	93/VIFON CORP/2024	Túi 3 kg
129	Phở sợi khô nấu	94/VIFON CORP/2024	Túi 3 kg
130	Bánh đa sợi khô	95/VIFON CORP/2024	Túi 3 kg
131	Bún sợi khô	96/VIFON CORP/2024	Túi 3 kg
132	Hủ tiếu sợi khô	97/VIFON CORP/2024	Túi 3 kg
133	Hủ tiếu sợi khô cao cấp	98/VIFON CORP/2024	Túi 3 kg
134	Hủ tiếu sợi khô nấu	99/VIFON CORP/2024	Túi 3 kg
135	Miến sợi khô	100/VIFON CORP/2024	Túi 3 kg
136	Muối tinh cao cấp	53/VIFON JSC/2023	Gói 450 g, Gói 950 g, Bao 50 kg
137	Muối i-ốt cao cấp	54/VIFON JSC/2023	Gói 450 g, Gói 950 g
138	Muối hạt to	55/VIFON JSC/2023	Bao 50 kg
139	Bột canh	52/VIFON CORP/2025	Gói 200 g, Gói 450 g, Gói 900 g
140	Bột canh tôm	53/VIFON CORP/2025	Gói 10 g
141	Thực phẩm bổ sung: Bột canh I-ốt	61/VIFON CORP/2024	Gói 180 g, Gói 900 g
142	Thực phẩm bổ sung: Bột canh I-ốt	54/VIFON CORP/2025	Gói 200 g
143	Bột canh tôm	55/VIFON CORP/2025	Gói 200 g
144	Bột canh nấm	56/VIFON CORP/2025	Gói 200 g
145	Gia vị chấm chéo VIFON	09/VIFON CORP/2024	Hũ 150 g
146	Tương ớt	59/VIFON CORP/2025	Chai 135 g, Chai 260 g, Chai 500 ml
147	Tương ớt	60/VIFON CORP/2025	Chai 500 ml
148	Tương ớt chua ngọt	61/VIFON CORP/2024	Chai 260 g
149	Nước tương đậu nành	60/VIFON CORP/2025	Chai 300 ml
150	Nước chấm đậu nành	15/VIFON CORP/2025	Chai 500 ml
151	Nước chấm cá cơm	62/VIFON CORP/2025	Chai 900 ml



Bột canh tôm 10g HCM TK201025

KT: 140*80mm



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON CAM KẾT CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG GHI NHÃN BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI TƯƠNG ỨNG VỚI NỘI DUNG TIẾNG VIỆT



Bột canh tôm 10g HD TK201025

KT: 140*80mm



VIFON

Luôn Vị Hóm Này Từ 1963

BỘT CANH TÔM

SHRIMP SOUP POWDER

Khối lượng tịnh: 10 g (Net Weight)



VIFON

For Today Since 1963

BỘT CANH TÔM

SHRIMP SOUP POWDER

Tư vấn khách hàng: 1800 1897

8 935311 120708

NSX: Xem trên bao bì
HSD: 06 tháng kể từ ngày sản xuất
Bảo quản nơi khô, mát và tránh ánh nắng mặt trời.

MADE IN VIETNAM / SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM
SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON:
913 Đường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
E-mail: vifon@vifon.com.vn Website: www.vifon.com.vn

Sản xuất tại: xem cạnh ngày sản xuất

A. CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM
915 Đường Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: 84.28.38153047 Fax: 84.28.38153059

B. CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON – CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Lô đất CNH, KCN Tân Trường, Xã Mạc Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Tel: 84.0220.3570660

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

XUẤT KHẨU TRÊN 100 NƯỚC CHÍNH PHỤC 2 ĐΙΑ CỤC 1995 KHÔNG PHẠM MÀU TÔNG HỘP

VIFON VỊ NGON CHUẨN VIỆT

Thành phần: Muối ăn, bột tôm (12%), chất điều vị (monosodium L-glutamat, dinatri 5'-guanylat, dinatri 5'-inosinat, dinatri succinat), đường tinh luyện, bột lõi, bột tiêu, bột ớt, chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), maltodextrin, chất chống đông vón (INS 551), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin). **Sản phẩm có chứa: Tôm.**

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Dùng để nấu canh, nộm, ướp các món ăn. Thuận tiện trong các bữa ăn hằng ngày. Mỗi gói bột canh tôm (10 g) nêm nêm cho một nồi canh (0.8 - 1.0) lít nước dùng. Mổ gói nên dùng hết trong 1 lần.

Số TCB: 53/VIFON CORP/2025

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG	
Thành phần dinh dưỡng	Cho 10 g sản phẩm
Năng lượng	4.5 kcal – 9.65 kcal
Chất đạm	0.55 g – 0.95 g
Carbohydrat	0.55 g – 0.95 g
Đường tổng số	0.1 g – 0.5 g
Chất béo	0.0 g – 0.15 g
Natri	2800 mg – 3980 mg

VIFON' MADE IN VIETNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON CAM KẾT CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG GHI NHÃN BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI TƯƠNG ỨNG VỚI NỘI DUNG TIẾNG VIỆT



Liên Vĩ Hồn Nay Từ 1963

CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

TP.HCM, ngày 31 tháng 07 năm 2026

Số: ...38... / R&D-VIFON

THÔNG BÁO ĐIỀU CHỈNH CÁCH GHI GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRÊN NHÃN BAO BÌ SẢN PHẨM

Kính gửi: SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần VIFON chúng tôi đã thực hiện tự công bố sản phẩm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP thi hành ngày 02.02.2018. Hồ sơ tự công bố của các sản phẩm sau đã nộp đến Sở an toàn thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh và tên các sản phẩm đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở an toàn thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh (<http://sattp.hochiminhcity.gov.vn/spcb.aspx?c=19>), cụ thể như sau:

STT	Tên sản phẩm	Bản tự công bố	Quy cách	Ngày Sở ATTP HCM nhận HS
01	BỘT CANH	52/VIFON CORP/2025	Gói 200 g Gói 450 g Gói 900 g	26.05.2025
02	BỘT CANH TÔM	53/VIFON CORP/2025	Gói 10 g	26.09.2025
03	Thực phẩm bổ sung: BỘT CANH I-ÔT	61/VIFON CORP/2024	Gói 180 g, Gói 900 g	23.09.2024
04	Thực phẩm bổ sung: BỘT CANH I-ÔT	54/VIFON CORP/2025	Gói 200 g	26.05.2025
05	BỘT CANH TÔM	55/VIFON CORP/2025	Gói 200 g	26.05.2025
06	BỘT CANH NẤM	56/VIFON CORP/2025	Gói 200 g	26.05.2025
07	MUỐI TIÊU	57/VIFON CORP/2025	Hũ 150 g	28.07.2025
08	MUỐI TÔM	58/VIFON CORP/2025	Hũ 120 g	28.07.2025
09	TƯƠNG ỚT	59/VIFON CORP/2025	Chai 135 g Chai 260 g Chai 500 ml Gói 10 g	26.05.2025
10	TƯƠNG ỚT	60/VIFON CORP/2025	Chai 500 ml	26.09.2025
11	NƯỚC TƯƠNG ĐẬU NÀNH	61/VIFON CORP/2025	Chai 300 ml	26.09.2025

Hiện nhãn bao bì của các sản phẩm trên đang thể hiện giá trị dinh dưỡng cho khẩu phần 1 gói/tô sản phẩm là khoảng giá trị, được thực hiện quy đổi theo khối lượng sản phẩm từ khoảng giá trị đã công bố cho 100 g sản phẩm trong Bản tự công bố, cụ thể công thức quy đổi của toán học như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Luôn Vì Hôm Nay Từ 1963

Giá trị cho khẩu phần 1 gói/tô sản phẩm = Giá trị công bố theo 100g × (khối lượng của 1 gói/tô sản phẩm / 100).

Nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, công ty chúng tôi điều chỉnh cách ghi giá trị dinh dưỡng trên nhãn bao bì của các sản phẩm trên từ khoảng giá trị sang một giá trị cụ thể, được quy đổi từ giá trị trung bình của khoảng giá trị đã công bố cho 100g sản phẩm trong Bản tự công bố.

Thông tin dinh dưỡng trên nhãn bao bì các sản phẩm VIFON được thể hiện như sau:

1. BỘT CANH GÓI 200 g, 450 g, 900 g – Bản tự công bố số: 52/VIFON CORP/2025

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm
1	Năng lượng	4.0 kcal – 28.4 kcal	4.0 kcal – 28.4 kcal	16,2 kcal
2	Chất đạm	0.5 g – 3.1 g	0.5 g – 3.1 g	1,8 g
3	Carbohydrat	0.5 g – 3.5 g	0.5 g – 3.5 g	2,0 g
4	Đường tổng số	0.5 g – 3.2 g	0.5 g – 3.2 g	1,85 g
5	Chất béo	0.0 g	0.0 g	0,0 g (không ghi trên nhãn bao bì)
6	Natri	34000 mg – 39900 mg	34000 mg – 39900 mg	36950 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.0 g – 1.0 g	0.0 g – 1.0 g (không ghi trên nhãn bao bì)	0,5 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

2. BỘT CANH TÔM GÓI 10 g – Bản tự công bố số: 53/VIFON CORP/2025

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 10 g sản phẩm	Cho 10 g sản phẩm
1	Năng lượng	45.0 kcal – 96.5 kcal	4.5 kcal – 9.65 kcal	7,075 kcal
2	Chất đạm	5.5 g – 9.5 g	0.55 g – 0.95 g	0,75 g
3	Carbohydrat	5.5 g – 9.5 g	0.55 g – 0.95 g	0,75 g
4	Đường tổng số	1.0 g – 5.0 g	0.1 g – 0.5 g	0,3 g
5	Chất béo	0.0 g – 1.5 g	0.0 g – 0.15 g	0,075 g



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Luôn Vì Hồn Này Từ 1963

6	Natri	28000 mg – 39800 mg	2800 mg – 3980 mg	3390 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.5 g – 3.5 g	0.05 g – 0.35 g (không ghi trên nhãn bao bì)	0,2 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

3. Thực phẩm bổ sung: BỘT CANH I-ÔT GÓI 180 g, 900 g – Bản tự công bố số: 61/VIFON CORP/2024

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm
1	Năng lượng	16.0 kcal – 49.0 kcal	16.0 kcal – 49.0 kcal	32,5 kcal
2	Chất đạm	1.0 g – 5.0 g	1.0 g – 5.0 g	3,0 g
3	Carbohydrat	3.0 g – 7.0 g	3.0 g – 7.0 g	5,0 g
4	Đường tổng số	1.3 g – 5.3 g	1.3 g – 5.3 g	3,3 g
5	Chất béo	0.0 g	0.0 g	0,0 g (không ghi trên nhãn bao bì)
6	Natri	31400 mg – 39800 mg	31400 mg – 39800 mg	35600 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.0 g – 0.5 g	0.0 g – 0.5 g (không ghi trên nhãn bao bì)	0,25 g (không ghi trên nhãn bao bì)
8	Hàm lượng I-ốt, tính theo KIO ₃	2.0 mg – 4.0 mg	2.0 mg – 4.0 mg	3,0 mg

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

4. Thực phẩm bổ sung: BỘT CANH I-ÔT GÓI 200 g – Bản tự công bố số: 54/VIFON CORP/2025

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm
1	Năng lượng	4.0 kcal – 28.4 kcal	4.0 kcal – 28.4 kcal	16,2 kcal
2	Chất đạm	0.5 g – 3.1 g	0.5 g – 3.1 g	1,8 g
3	Carbohydrat	0.5 g – 3.5 g	0.5 g – 3.5 g	2,0 g



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn
Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Lần in: Tháng Năm, Từ 1963

4	Đường tổng số	0.5 g – 3.2 g	0.5 g – 3.2 g	1,85 g
5	Chất béo	0.0 g	0.0 g	0,0 g (không ghi trên nhãn bao bì)
6	Natri	34000 mg – 39900 mg	34000 mg – 39900 mg	36950 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.0 g – 1.0 g	0.0 g – 1.0 g (không ghi trên nhãn bao bì)	0,5 g (không ghi trên nhãn bao bì)
8	Hàm lượng I-ốt, tính theo KIO ₃	2.0 mg – 4.0 mg	2.0 mg – 4.0 mg	3,0 mg

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

5. BỘT CANH TÔM GÓI 200 g – Bản tự công bố số: 55/VIFON CORP/2025

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm
1	Năng lượng	4.0 kcal – 31.6 kcal	4.0 kcal – 31.6 kcal	17,8 kcal
2	Chất đạm	0.5 g – 4.2 g	0.5 g – 4.2 g	2,35 g
3	Carbohydrat	0.5 g – 3.2 g	0.5 g – 3.2 g	1,85 g
4	Đường tổng số	0.5 g – 2.8 g	0.5 g – 2.8 g	1,65 g
5	Chất béo	0.0 g	0.0 g	0,0 g (không ghi trên nhãn bao bì)
6	Natri	34000 mg – 39900 mg	34000 mg – 39900 mg	36950 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.0 g – 1.0 g	0.0 g – 1.0 g (không ghi trên nhãn bao bì)	0,5 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

6. BỘT CANH NẤM GÓI 200 g – Bản tự công bố số: 56/VIFON CORP/2025

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm
1	Năng lượng	4.0 kcal – 29.8 kcal	4.0 kcal – 29.8 kcal	16,9 kcal
2	Chất đạm	0.5 g – 3.9 g	0.5 g – 3.9 g	2,2 g



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Luôn Vì Hồn Này Từ 1963

3	Carbohydrat	0.5 g – 2.8 g	0.5 g – 2.8 g	1,65 g
4	Đường tổng số	0.5 g – 2.7 g	0.5 g – 2.7 g	1,6 g
5	Chất béo	0.0 g	0.0 g	0,0 g (không ghi trên nhãn bao bì)
6	Natri	34000 mg – 39900 mg	34000 mg – 39900 mg	36950 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.0 g – 1.5 g	0.0 g – 1.5 g (không ghi trên nhãn bao bì)	0,75 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

7. MUỐI TIÊU HŨ 150 g – Bản tự công bố số: 57/VIFON CORP/2025

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm
1	Năng lượng	72.4 kcal – 134.6 kcal	72.4 kcal – 134.6 kcal	103,5 kcal
2	Chất đạm	2.0 g – 6.0 g	2.0 g – 6.0 g	4,0 g
3	Carbohydrat	14.8 g – 22.1 g	14.8 g – 22.1 g	18,45 g
4	Đường tổng số	7.0 g – 11.0 g	7.0 g – 11.0 g	9,0 g
5	Chất béo	0.0 g – 1.0 g	0.0 g – 1.0 g	0,5 g
6	Natri	23200 mg – 34000 mg	23200 mg – 34000 mg	28600 mg
7	Chất xơ thực phẩm	2.6 g – 6.6 g	2.6 g – 6.6 g (không ghi trên nhãn bao bì)	4,6 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

8. MUỐI TÔM HŨ 120 g – Bản tự công bố số: 58/VIFON CORP/2025

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm
1	Năng lượng	59.1 kcal – 124.3 kcal	59.1 kcal – 124.3 kcal	91,7 kcal
2	Chất đạm	10.7 g – 16.1 g	10.7 g – 16.1 g	13,4 g



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Luôn Vì Hôm Nay Từ 1963

3	Carbohydrat	2.7 g – 6.7 g	2.7 g – 6.7 g	4,7 g
4	Đường tổng số	2.0 g – 6.0 g	2.0 g – 6.0 g	4,0 g
5	Chất béo	0.5 g – 2.7 g	0.5 g – 2.7 g	1,6 g
6	Natri	22000 mg – 32000 mg	22000 mg – 32000 mg	27000 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.5 g – 4.4 g	0.5 g – 4.4 g (không ghi trên nhãn bao bì)	2,45 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

9. TƯƠNG ỚT CHAI 135 g, 260 g, 500 ml, GÓI 10 g – Bản tự công bố số: 59/VIFON CORP/2025 CHAI 135 g, 260 g, 500 ml

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm
1	Năng lượng	66.0 kcal – 112.5 kcal	66.0 kcal – 112.5 kcal	89,25 kcal
2	Chất đạm	0.5 g – 2.5 g	0.5 g – 2.5 g	1,5 g
3	Carbohydrat	16.0 g – 23.5 g	16.0 g – 23.5 g	19,75 g
4	Đường tổng số	9.7 g – 13.8 g	9.7 g – 13.8 g	11,75 g
5	Chất béo	0.0 g – 0.5 g	0.0 g – 0.5 g	0,25 g
6	Natri	1520 mg – 2240 mg	1520 mg – 2240 mg	1880 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.0 g – 2.0 g	0.0 g – 2.0 g (không ghi trên nhãn bao bì)	1,0 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

GÓI 10 g

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 10 g sản phẩm	Cho 10 g sản phẩm
1	Năng lượng	66.0 kcal – 112.5 kcal	6.6 kcal – 11.25 kcal	8,925 kcal
2	Chất đạm	0.5 g – 2.5 g	0.05 g – 0.25 g	0,15 g
3	Carbohydrat	16.0 g – 23.5 g	1.6 g – 2.35 g	1,975 g



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Luôn Mĩ Hóm Ngay Từ 1953

4	Đường tổng số	9.7 g – 13.8 g	0.97 g – 1.38 g	1,175 g
5	Chất béo	0.0 g – 0.5 g	0.0 g – 0.05 g	0,025 g
6	Natri	1520 mg – 2240 mg	152 mg – 224 mg	188 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.0 g – 2.0 g	0.0 g – 0.2 g (không ghi trên nhãn bao bì)	0,1 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

10. TƯƠNG ỚT CHAI 500 ml – Bản tự công bố số: 60/VIFON CORP/2025

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm	Cho 100 g sản phẩm
1	Năng lượng	27.2 kcal – 59.7 kcal	27.2 kcal – 59.7 kcal	43,45 kcal
2	Chất đạm	0.0 g – 2.0 g	0.0 g – 2.0 g	1,0 g
3	Carbohydrat	6.8 g – 10.8 g	6.8 g – 10.8 g	8,8 g
4	Đường tổng số	1.5 g – 5.5 g	1.5 g – 5.5 g	3,5 g
5	Chất béo	0.0 g – 0.5 g	0.0 g – 0.5 g	0,25 g
6	Natri	1640mg – 2400 mg	1640mg – 2400 mg	2020 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.0 g – 2.0 g	0.0 g – 2.0 g (không ghi trên nhãn bao bì)	1.0 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

11. NƯỚC TƯƠNG ĐẬU NÀNH CHAI 300 ml – Bản tự công bố số: 61/VIFON CORP/2025

S T T	Thành phần dinh dưỡng	Bản tự công bố	Ghi trên nhãn bao bì cũ	Ghi trên nhãn bao bì mới
		Mức công bố	Khoảng giá trị	Giá trị trung bình
		Cho 100 ml sản phẩm	Cho 100 ml sản phẩm	Cho 100 ml sản phẩm
1	Năng lượng	14.0 kcal – 42.8 kcal	14.0 kcal – 42.8 kcal	28,4 kcal
2	Chất đạm	3.0 g – 7.0 g	3.0 g – 7.0 g	5,0 g
3	Carbohydrat	0.5 g – 2.7 g	0.5 g – 2.7 g	1,6 g
4	Đường tổng số	0.0 g – 2.0 g	0.0 g – 2.0 g	1,0 g



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON

913 Trường Chinh, P. Tây Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

ĐT: 3.8153947 – 3.8153933 – Fax: 3.8153059 – 3.8151293

Email: vifon@vifon.com.vn

Website: www.vifon.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Luôn Vì Hồn Này Từ 1953

5	Chất béo	0.0 g	0.0 g	0,0 g (không ghi trên nhãn bao bì)
6	Natri	3600 mg – 5700 mg	3600 mg – 5700 mg	4650 mg
7	Chất xơ thực phẩm	0.0 g – 2.0 g	0.0 g – 2.0 g (không ghi trên nhãn bao bì)	1,0 g (không ghi trên nhãn bao bì)

Năng lượng được tính bằng hệ số chuyển đổi năng lượng với các thành phần tạo năng lượng trong sản phẩm: Chất đạm: 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Carbohydrat (không bao gồm xơ thực phẩm): 4 kcal/g tương đương 17 kJ, Chất béo: 9 kcal/g tương đương 37 kJ. Chất xơ thực phẩm: 2 kcal/g tương đương 8 kJ.

chúng tôi kính thông báo đến **SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM TP HỒ CHÍ MINH** về nội dung thay đổi trên. Chúng tôi xin cam kết Tên sản phẩm, thành phần và xuất xứ sản phẩm không thay đổi so với hồ sơ tự công bố.

Hồ sơ gửi đến **SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM TP HỒ CHÍ MINH** gồm có:

1. Công văn thông báo điều chỉnh cách ghi giá trị dinh dưỡng trên nhãn bao bì sản phẩm
2. Nhãn bao bì sản phẩm thể hiện giá trị dinh dưỡng là một giá trị cụ thể của các sản phẩm trên.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và trân trọng kính chào.

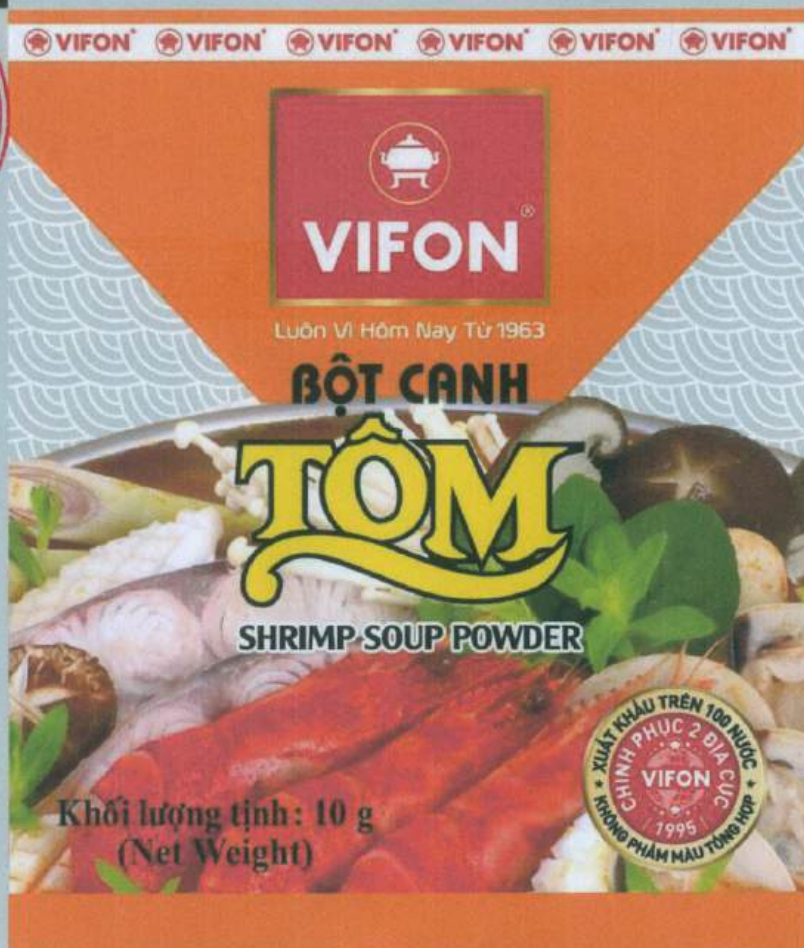
CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON



Lý Thị Kim Châu

Bột canh tôm 10g HCM

KT: 140*80mm



CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON CAM KẾT CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG GHI NHÃN BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI TƯƠNG ỨNG VỚI NỘI DUNG TIẾNG VIỆT

Bột canh tôm 10g HP

KT: 140*80mm



VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON VIFON

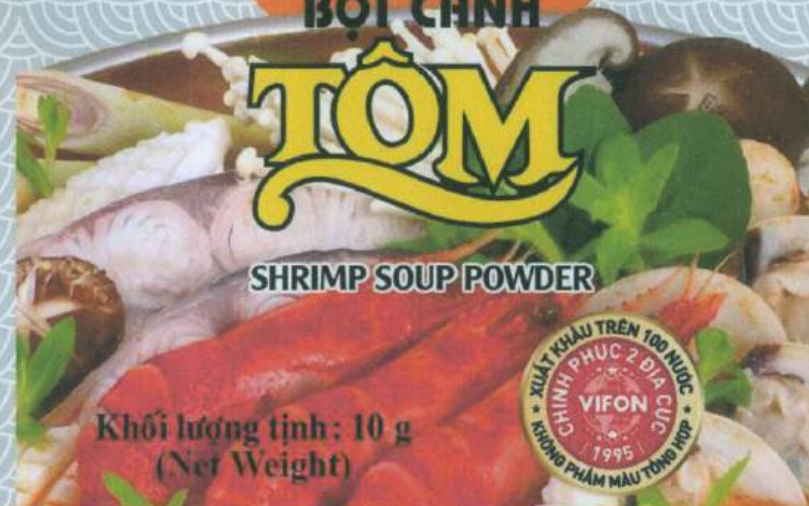


Luôn Vị Hồn Này Từ 1963

BỘT CANH

TÔM

SHRIMP SOUP POWDER



Khối lượng tịnh: 10 g
(Net Weight)



For Today Since 1963

BỘT CANH

TÔM

SHRIMP SOUP POWDER



8 935311 120708

Tư vấn khách hàng
1800 1097



NSX: Xem trên bao bì
HSD: 06 tháng kể từ ngày sản xuất
Bảo quản nơi khô, mát và tránh ánh nắng mặt trời

MADE IN VIETNAM / SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM
SẢN PHẨM CHẤT LƯỢNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON:
913 Trương Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
E-mail: vifon@vifon.com.vn Website: www.vifon.com.vn

Sản xuất tại: xem cạnh ngày sản xuất
A: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ THỰC PHẨM VIỆT NAM
913 Trương Chinh, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: 84.28.38153947 Fax: 84.28.38153099

B: CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG
Lô đất CN8, KCN Tân Trường, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng,
Việt Nam. Tel: 84.0220.3570660

VIFON VỊ NGON CHUẨN VIỆT

Thành phần: Muối ăn, bột tôm (12%), chất điều vị (mononatri L-glutamat, dinatri 5'-guanylat, dinatri 5'-inosinat, dinatri succinat), đường tinh luyện, bột tỏi, bột tiêu, bột ớt, chất tạo ngọt tổng hợp (acesulfam kali, aspartam), maltodextrin, chất chống đông vón (INS 551), phẩm màu tự nhiên (paprika oleoresin). Sản phẩm có chứa: Tôm.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG: Dùng để nấu canh, nộm, ướp các món ăn. Thuận tiện trong các bữa ăn hàng ngày. Mỗi gói bột canh tôm (10 g) nêm nếm cho một nồi canh (0.8 - 1.0) lít nước dùng. Múc gói nên dùng hết trong 1 lần.

Số TCB: 53/VIFON CORP/2025

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng. Không sử dụng đối với người có khả năng miễn cảm hoặc dị ứng với các thành phần trong sản phẩm.

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Thành phần dinh dưỡng	Cho 10 g sản phẩm
Năng lượng	7,075 kcal
Chất đạm	0,75 g
Carbohydrat	0,75 g
Đường tổng số	0,3 g
Chất béo	0,075 g
Natri	3390 mg

VIFON MADE IN VIETNAM

CÔNG TY CỔ PHẦN VIFON CAM KẾT CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ NỘI DUNG GHI NHÃN
BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI TƯƠNG ỨNG VỚI NỘI DUNG TIẾNG VIỆT